



Original Article

## Vietnam's Seafood Export to the EU Market in the Context of the EVFTA Implementation

Le Thi Viet Nga, Vu Anh Tuan, Chu Tien Minh \*

*Thuongmai University, No. 79 Ho Tung Mau Road, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam*

Received: August 9, 2022

Revised: September 14, 2022; Accepted: October 25, 2022

**Abstract:** Vietnam has advantages in seafood export, and has many opportunities to promote seafood exports to the EU market since the EVFTA took effect. The research paper shows that Vietnam's seafood export turnover to the EU market in the years 2010-2021 has many fluctuations, in which in terms of export structure, the export turnover of shrimp and tuna products had good growth but the export turnover of pangasius decreased continuously. By studying the current situation of Vietnam's seafood exports to the EU, assessing the strengths, weaknesses, opportunities and challenges of Vietnam when exporting seafood to this market, the paper proposes some solutions to continue promoting seafood exports in the context of the EVFTA implementation.

**Keywords:** Seafood export, Vietnam, EU, EVFTA.

\* Corresponding author.

E-mail address: [minh.ct@tmu.edu.vn](mailto:minh.ct@tmu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4883>

# Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Liên minh Châu Âu trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA

Lê Thị Việt Nga, Vũ Anh Tuấn, Chu Tiên Minh\*

*Trường Đại học Thương mại, 79 Hồ Tùng Mậu, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 9 tháng 8 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 14 tháng 9 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 10 năm 2022

**Tóm tắt:** Việt Nam có lợi thế trong hoạt động xuất khẩu thủy sản, đồng thời có nhiều cơ hội để thúc đẩy xuất khẩu thủy sản vào thị trường Liên minh Châu Âu (EU) từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực. Nghiên cứu cho thấy kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU giai đoạn 2010-2021 có nhiều biến động, trong đó xét về cơ cấu hàng xuất khẩu thì kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng tôm, cá ngừ tăng trưởng tốt nhưng kim ngạch xuất khẩu cá tra giảm liên tục. Trên cơ sở phân tích thực trạng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU, đánh giá cơ hội, thách thức cũng như các điểm mạnh, điểm yếu của Việt Nam khi xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu thủy sản trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA.

*Từ khóa:* Xuất khẩu thủy sản, Việt Nam, EU, EVFTA.

## 1. Giới thiệu

Việt Nam là quốc gia có lợi thế trong hoạt động xuất khẩu thủy sản, bao gồm thủy sản khai thác tự nhiên và thủy sản nuôi trồng. Những năm gần đây, thủy sản là một trong 10 nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất cả nước. Cụ thể, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2020 và 2021 tương ứng là 8,41 tỷ USD và 8,89 tỷ USD (Tổng cục Hải quan, 2022). Thị trường xuất khẩu thủy sản chính của Việt Nam là Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc. Trong đó, EU là thị trường đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu thủy sản vào năm 2010 và 2011 với giá trị xuất khẩu tương ứng khoảng 1,2 tỷ và 1,3 tỷ USD. Tuy nhiên, trong những năm tiếp theo, kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang EU thấp hơn so với kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ, Nhật Bản, thậm chí Trung Quốc. Năm 2021, kim

ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU đứng thứ 3 với giá trị khoảng 1,076 tỷ USD.

Việt Nam và EU đã ký thỏa thuận thương mại tự do EVFTA, có hiệu lực từ ngày 1/8/2020. Đây là sự kiện quan trọng mở ra nhiều cơ hội cho xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường khu vực này, trong đó có thủy sản. Nhiều mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam được hưởng lợi từ thuế quan giảm ngay khi Hiệp định có hiệu lực và trong khoảng 3-7 năm tiếp theo. Mặc dù vậy, xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU vẫn phải đối mặt với không ít khó khăn từ các biện pháp phi thuế như quy tắc xuất xứ, các biện pháp kỹ thuật (TBT) và vệ sinh dịch tễ (SPS), các biện pháp chống bán phá giá... Trong đó, các biện pháp TBT, SPS cũng là những biện pháp được sử dụng nhiều trên thế giới hiện nay. Theo UNCTAD, có khoảng 1.250 biện pháp TBT và SPS được sử dụng đối với hàng thủy sản ở các

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: minh.ct@tmu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4883>

nước trên thế giới, chiếm khoảng 80% các biện pháp phi thuế liên quan đến hàng thủy sản, trong đó các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định về nhân sinh thái và truy xuất nguồn gốc đối với cá đánh bắt tự nhiên và cá nuôi trồng là những yếu tố ngày càng quan trọng để đảm bảo khả năng tiếp cận thị trường, đảm bảo thu hoạch bền vững, an toàn và bảo vệ người tiêu dùng (UNCTAD, 2017). Đáng kể, xuất khẩu vào thị trường EU, thủy sản của Việt Nam phải đối mặt với các quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) trong những năm qua. Vì thế, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường này giảm nhẹ sau khi Quy định IUU có hiệu lực (tháng 1/2010). Tuy nhiên, xuất khẩu sản phẩm tươi sống, đông lạnh và ướp lạnh (HS0303, HS0304, HS0307) lại giảm sau khi Việt Nam bị cảnh báo thẻ vàng (tháng 10/2017). Ngoại trừ nhóm sản phẩm mã HS0306 (các loài giáp xác như tôm), tất cả các nhóm khác đều giảm đáng kể trong năm đầu tiên (World Bank, 2021).

Vì vậy, trước bối cảnh Việt Nam thực thi EVFTA và thủy sản xuất khẩu của Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều quy định tại thị trường này, bài viết làm rõ những cơ hội, thách thức, cũng như những điểm mạnh, điểm yếu của Việt Nam khi xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA.

Bài viết sử dụng dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), World Bank, UNCTAD... để phân tích, đánh giá thực trạng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU giai đoạn 2010-2021, nhận diện những cơ hội, thách thức, điểm mạnh và điểm yếu, đặc biệt khi Việt Nam đã ký được Hiệp định EVFTA với EU.

## 2. Tổng quan về Hiệp định EVFTA và các quy định tác động đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam

Hiệp định EVFTA được khởi động đàm phán từ tháng 6/2012. Đến ngày 30/6/2019, Hiệp định được ký kết tại Hà Nội. Sau thời gian phê chuẩn

bởi Nghị viện EU và Quốc hội Việt Nam, EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020. Đây là sự kiện quan trọng mở ra cho Việt Nam một bước tiến mới trong quan hệ thương mại song phương với EU. Những nội dung cơ bản của Hiệp định có ảnh hưởng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam có thể kể đến như:

*Thứ nhất*, các cam kết về thuế quan: Gần 50% dòng thuế giảm về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực; hơn 50% dòng thuế còn lại được xóa bỏ theo lộ trình từ 3 đến 7 năm. Chẳng hạn, tôm sú đông lạnh, tôm sú nguyên con... được giảm thuế ngay về 0%. Các sản phẩm tôm khác có lộ trình giảm 3-5 năm, riêng tôm chế biến lộ trình giảm thuế 7 năm. Các sản phẩm cá tra có lộ trình 3 năm, riêng cá tra hun khói cần 7 năm để về mức 0%. Đối với cá ngừ đóng hộp và chả cá surimi, EU áp dụng hạn ngạch lần lượt là 11,5 nghìn tấn và 500 tấn.

*Thứ hai*, cam kết về quy tắc xuất xứ: Thủy sản Việt Nam sang EU muốn được hưởng ưu đãi thuế phải đảm bảo quy tắc xuất xứ và thuộc một trong ba trường hợp sau: (1) Hàng hóa có xuất xứ thuần túy; (2) Hàng hóa có xuất xứ cộng gộp, bao gồm các hàng hóa được hình thành từ nguyên liệu có xuất xứ một phần hoặc toàn bộ từ EU/Việt Nam và được chế biến hoặc sản xuất tại Việt Nam; (3) Hàng hóa được sản xuất hoàn toàn tại Việt Nam, sử dụng một phần nguyên liệu không có xuất xứ hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam hoặc EU. Ngoài ra, EVFTA cũng quy định cho phép các bên sử dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ bên cạnh cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) truyền thống, tức là hai bên thống nhất cho phép nhà xuất khẩu được tự chứng nhận xuất xứ.

*Thứ ba*, cam kết về hàng rào thương mại kỹ thuật (TBT): Hiệp định EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU phải tăng cường hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa, quy chuẩn hóa và quy trình đánh giá sự phù hợp nhằm tăng sự hiểu biết lẫn nhau về các hệ thống tương ứng của mình và tạo thuận lợi cho thương mại giữa hai bên; rà soát lại các quy chuẩn kỹ thuật khi cần thiết để bảo đảm sự phù hợp nhất định với các tiêu chuẩn quốc tế tương ứng như tiêu chuẩn của ISO, IEC, ITU,

Codex. Hai bên EU và Việt Nam cam kết xem xét công nhận tương đương quy chuẩn kỹ thuật của Bên kia khi được yêu cầu.

*Thứ tư*, cam kết về các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS): Hiệp định EVFTA khẳng định các bên tuân thủ Hiệp định SPS của WTO và các tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế như Codex, OIE và IPPC nhằm bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật trong lãnh thổ Việt Nam và EU, hạn chế sử dụng các biện pháp này gây cản trở thương mại; cho phép mỗi bên thiết lập Danh sách doanh nghiệp xuất khẩu nông thủy sản, thực phẩm đáp ứng yêu cầu về SPS để gửi bên kia. Với các biện pháp SPS Việt Nam khó đáp ứng, Việt Nam có quyền chọn một trong ba cách: (1) có thời gian chuẩn bị, thực hiện; (2) đề xuất biện pháp tương đương; (3) hỗ trợ kỹ thuật để Việt Nam từng bước nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu.

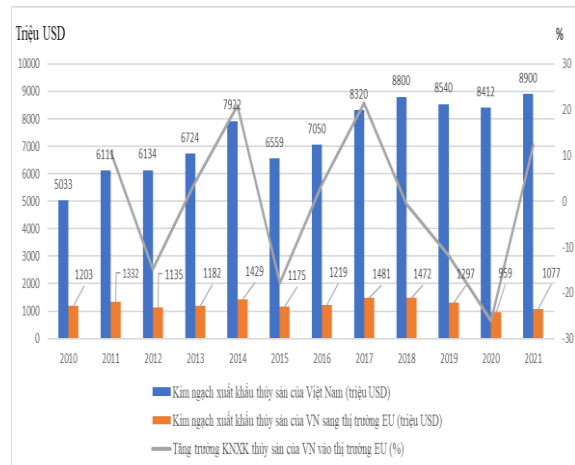
*Thứ năm*, các biện pháp phòng vệ thương mại và biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp: Việt Nam và EU thỏa thuận rằng các biện pháp này có thể được sử dụng dựa trên cơ sở công bằng, minh bạch và tuân thủ đúng quy định liên quan của WTO, đồng thời phải cân nhắc đến lợi ích của bên bị áp đặt các biện pháp này.

*Thứ sáu*, cam kết về sở hữu trí tuệ: Hiệp định có làm rõ một số vấn đề liên quan bảo hộ sở hữu trí tuệ nhằm ngăn chặn việc bị đánh đồng nguồn gốc sản phẩm với vùng địa lý khác nguồn gốc sản phẩm đó; quy định về thời gian khiếu nại nếu nhãn hiệu bị vi phạm về chỉ dẫn địa lý. EU sẽ bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam như sò Quảng Ninh, mực Hạ Long và sản phẩm từ thủy sản như nước mắm Phú Quốc...

*Thứ bảy*, cam kết về lao động: Cũng như các ngành khác, sử dụng lao động sản xuất thủy sản xuất khẩu cũng phải tuân theo các quy định của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tuyên bố ILO về các nguyên tắc cơ bản và các quyền tại nơi làm việc là sẽ tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện hiệu quả các nguyên tắc về các quyền cơ bản tại nơi làm việc.

### 3. Thực trạng xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường EU

Về giá trị xuất khẩu và tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, năm 2010, EU là thị trường đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam với giá trị đạt 1,203 tỷ USD, chiếm 23,91% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Tuy nhiên, tỷ trọng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU đã giảm dần xuống mức thấp nhất vào năm 2020 là 11,4%, đưa EU xuống xếp hạng thứ 4 (sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc) về kim ngạch xuất khẩu thủy sản. Năm 2021, EU là thị trường đứng thứ 3 với giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 1,077 tỷ USD, chiếm 12,1% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Nhìn chung, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU giai đoạn 2010-2021 có nhiều biến động. Trong đó, năm 2012, 2015, 2019, 2020 là các năm mà kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu lần lượt là -14,75%, -17,75%, -11,86% và -26,09%; trong khi năm 2014 và 2017 là các năm có giá trị xuất khẩu cao nhất, tương ứng là 1,429 tỷ USD và 1,481 tỷ USD, đạt mức tăng trưởng lần lượt là 20,88% và 21,43% (Hình 1).

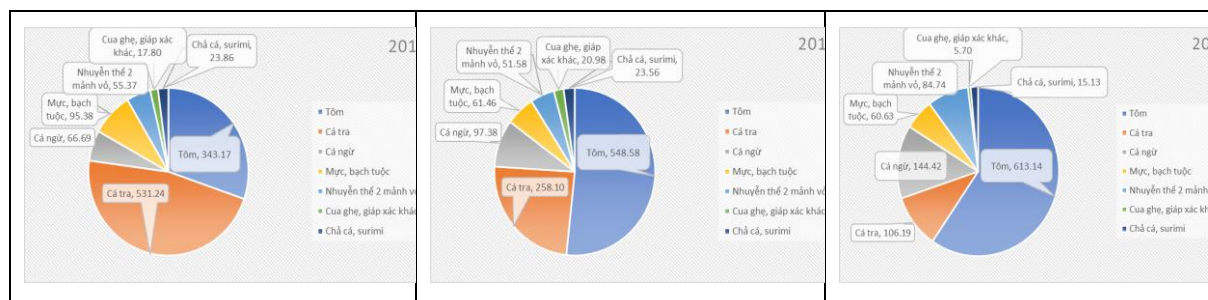


Hình 1: Kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường EU so với tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam giai đoạn 2010-2021

*Nguồn:* Nhóm tác giả tổng hợp từ số liệu của VASEP.

Về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, nhìn chung, giá trị xuất khẩu thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng qua các năm, tuy nhiên thủy sản nuôi trồng (điển hình là cá tra và tôm) chiếm tỷ trọng khoảng 70% và có tốc độ tăng trưởng cao hơn, thủy sản khai thác (cá ngừ, mực, bạch tuộc) chỉ chiếm khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu (World Bank, 2021). Tôm, cá tra, cá ngừ, mực, bạch tuộc, nhuyễn thể hai vỏ, cua ghe, chả cá và surimi là các mặt hàng thủy sản xuất khẩu chính của Việt Nam vào thị trường EU, trong đó đứng đầu về kim ngạch vẫn là các mặt hàng tôm. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm tôm (chủ yếu là tôm chân trắng đông lạnh) đạt giá trị thấp trong các năm 2012, 2015 và 2020 tương ứng khoảng 312 triệu USD, 548,6 triệu USD và 517 triệu USD, song về cơ bản, giá trị tôm xuất khẩu giai đoạn 2010-2021 tăng lên từ 342,17 triệu USD năm 2010 đến 613,14 triệu USD năm 2021, đưa tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu tôm trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU tăng từ 28,5% lên 57%, và đưa nhóm hàng này từ vị trí số hai (2010) lên vị trí thứ nhất (2021) về kim ngạch xuất khẩu sang EU. Đối với mặt hàng cá tra, chủ đạo là cá tra phi lê đông lạnh, kim ngạch xuất khẩu cá tra Việt Nam vào EU liên tục giảm từ năm 2010-2017, kim ngạch xuất

khẩu năm 2018 tăng khoảng 20% so với năm 2017, song lại giảm liên tục trong các năm 2019-2021, khiến cho mặt hàng này từ vị trí đứng đầu về tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam vào EU năm 2010 (khoảng 44%) đã giảm dần và xếp hạng thứ 3 (sau tôm, cá ngừ) vào năm 2021 với mức tỷ trọng chỉ còn khoảng 9,9%. Kim ngạch xuất khẩu cá tra vào EU năm 2021 cũng chỉ chiếm khoảng 6,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra Việt Nam (VASEP, 2021). Trong khi đó, cá ngừ có kim ngạch xuất khẩu tăng dần, kim ngạch xuất khẩu cá ngừ sang EU của Việt Nam có mức tăng trưởng tốt trong các năm 2010-2013, 2015-2018; kim ngạch xuất khẩu năm 2019 giảm khoảng 11,4% so với 2018 nhưng đã tăng dần vào các năm 2020, 2021, tuy nhiên chưa thể đạt giá trị cao như năm 2018. Từ năm 2015 trở về trước, EU có xu hướng nhập khẩu nhiều cá ngừ chế biến và đóng hộp của Việt Nam. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu cá ngừ chế biến và đóng hộp của Việt Nam luôn trên 50% tổng kim ngạch xuất khẩu cá ngừ. Tuy nhiên, từ năm 2016, xuất khẩu cá ngừ tươi sống và đông lạnh có xu hướng tăng mạnh. Các nhóm còn lại như mực, bạch tuộc, nhuyễn thể hai mảnh, cua, ghe và giáp xác khác có giá trị xuất khẩu thấp hơn và biến động nhẹ qua các năm (Hình 2).



Hình 2: Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU trong các năm 2010, 2015, 2021

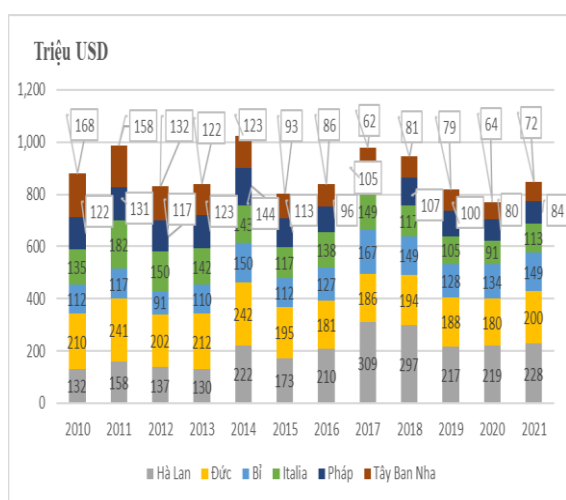
Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ số liệu của VASEP.

Về cơ cấu thị trường, thủy sản của Việt Nam được xuất khẩu sang tất cả các thành viên thuộc khối EU, song kim ngạch xuất khẩu hơn 100 triệu USD vẫn được duy trì từ năm 2010-2021 tập trung ở các thị trường Hà Lan, Đức, Bỉ, Ý, trong khi Pháp, Tây Ban Nha cũng là thị trường

nhập khẩu nhiều và có dấu hiệu giảm trong những năm gần đây (Hình 3).

Sự biến động về kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang EU cũng như cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, cơ cấu thị trường nhập khẩu trong thời gian qua có thể được lý giải bởi một số nguyên nhân.

Ngoài nguyên nhân biến động của giá trên thị trường, có một số nguyên nhân quan trọng như: Đồng Euro mất giá, Anh rời khỏi EU. Bên cạnh đó, năm 2020, đại dịch COVID19 bùng phát toàn cầu đã khiến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam giảm mạnh nhất trong giai đoạn 2010-2021.



Hình 3: Cơ cấu thị trường thuộc khối EU nhập khẩu thủy sản của Việt Nam giai đoạn 2010-2021

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ số liệu của VASEP.

Các quy định nghiêm ngặt về ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc xuất xứ, quy định về chất lượng và an toàn thực phẩm (chẳng hạn quy định dư lượng hóa chất như kim loại nặng, kháng sinh, thuốc trừ sâu, chất độc, độc tố sinh học biển và ký sinh trùng...), quy định về giám sát hoạt động sản xuất và chế biến thủy sản phù hợp với HACCP là những nguyên nhân thường trực khiến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam gặp nhiều khó khăn để được chấp nhận tại thị trường EU. Theo World Bank (WITS), 97,5% mặt hàng thủy sản nhập khẩu vào EU chịu ảnh hưởng bởi các biện pháp TBT và 99,7% mặt hàng thủy sản nhập khẩu vào thị trường này chịu ảnh hưởng bởi các biện pháp SPS.

Quy định chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU): đối với thủy sản đánh bắt, EU yêu cầu tất cả các sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào EU phải có chứng nhận khai thác có thông tin về các loài,

vị trí khai thác, tàu cá, ngày khai thác, và bất kỳ hoạt động trung chuyển nào phù hợp Quy định 1005/2008 ngày 29/9/2008 về thiết lập Hệ thống quản lý trong cộng đồng châu Âu về ngăn ngừa và xóa bỏ các hoạt động IUU. Theo quy định này, Việt Nam đang bị EU áp dụng thẻ vàng từ tháng 10/2017. Điều này có nghĩa là trong thời gian bị áp dụng thẻ vàng, các sản phẩm thủy sản được khai thác từ biển xuất khẩu sang EU phải được kiểm tra các thông tin về nguồn gốc khai thác nhằm đảm bảo quy định IUU, điều này buộc Việt Nam phải thay đổi trong hoạt động khai thác, gây mất thời gian, chi phí, ảnh hưởng chất lượng sản phẩm do phải kiểm tra. Do vậy, không chỉ xuất khẩu thủy sản khai thác của Việt Nam (cá ngừ, mực, bạch tuộc, nhuyễn thể hai mảnh, cua, ghẹ...) bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thẻ vàng mà xuất khẩu những sản phẩm thủy sản nuôi trồng cũng bị ảnh hưởng gián tiếp khi uy tín của Việt Nam bị ảnh hưởng.

Ngoài ra, thông tin về chất lượng không an toàn, tính bền vững trong nuôi trồng và các vấn đề về điều kiện lao động... liên quan mặt hàng cá tra là nguyên nhân của sự sụt giảm liên tục về kim ngạch xuất khẩu cá tra vào thị trường này (World Bank, 2011).

Tuy nhiên, Hiệp định EVFTA được coi là một yếu tố quan trọng giúp thúc đẩy xuất khẩu thủy sản sang EU, mặc dù kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2020-2021 chưa cao song tăng trưởng kim ngạch của các mặt hàng được hưởng lợi về thuế quan như tôm, mực, bạch tuộc, các ngư đông lạnh... đã có sự chuyển biến tích cực. Xuất khẩu tôm năm 2021 tăng gần 19% đạt 613 triệu USD, chiếm gần 57% xuất khẩu thủy sản sang thị trường này (VASEP, 2021).

#### 4. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của Việt Nam khi xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU

##### Cơ hội

Một là, các cam kết giảm thuế của EU theo EVFTA sẽ giúp cho Việt Nam có cơ hội đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU. Hơn nữa, EVFTA cũng được xem là



ơ hội giúp Việt Nam có lợi thế cạnh tranh hơn so với các nước xuất khẩu thủy sản khác như Thái Lan, Trung Quốc, Philippines... vì họ chưa có FTA với EU.

*Hai là*, các cam kết về TBT và SPS trong Hiệp định EVFTA tạo cơ hội cho các doanh nghiệp nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế như Codex, IPPC và OIE. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng có cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế với những ý kiến phù hợp với lợi ích của quốc gia.

*Ba là*, thông qua việc tiếp nhận các hỗ trợ kỹ thuật của EU, các sản phẩm thủy sản Việt Nam có cơ hội đáp ứng quy định nhập khẩu EU và có vị thế tại thị trường lớn này. Điều 6.15 của Hiệp định EVFTA quy định EU sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho các nhu cầu cụ thể của Việt Nam để tuân thủ các biện pháp SPS của EU. Đây là cơ hội đối với Việt Nam để các sản phẩm thủy sản xuất khẩu có khả năng đáp ứng quy định nhập khẩu của thị trường EU.

*Bốn là*, doanh nghiệp thủy sản Việt Nam có cơ hội bày tỏ ý kiến quan ngại của mình về các dự thảo quy định TBT và SPS của EU có khả năng gây cản trở thương mại quá mức cần thiết, vi phạm cam kết về TBT và SPS trong hiệp định EVFTA và Hiệp định TBT, SPS của WTO thông qua văn phòng TBT và SPS Việt Nam để các nước xem xét.

*Năm là*, sản phẩm thủy sản Việt Nam xuất khẩu sang EU có cơ hội tiết kiệm được chi phí, thời gian kiểm tra theo các quy định TBT và SPS nhờ có các cam kết thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp theo Hiệp định.

*Sáu là*, thủy sản xuất khẩu hưởng lợi từ sự quan tâm của chính sách nhà nước và các hoạt động tích cực của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến các biện pháp TBT và SPS nhằm tạo thuận lợi và thúc đẩy thương mại với EU.

### **Thách thức**

*Một là*, thách thức trong việc đáp ứng các quy định TBT, SPS đối với thủy sản ngày càng khắt khe hơn, hướng đến xu hướng tiêu dùng thân thiện với sức khỏe, thân thiện môi trường, tiêu dùng bền vững...

*Hai là*, thách thức trong việc thực thi Hiệp định EVFTA với các cam kết rất sâu rộng và mới mẻ về SPS, trong đó nhiều khái niệm thực thi rất mới mẻ đối với Việt Nam, đặc biệt về các khái niệm Single Entity, Pre-listing và Regionalization là các vấn đề rất kỹ thuật và đòi hỏi sự tin tưởng, hợp tác giữa cơ quan Bộ, ngành của hai bên.

*Ba là*, thách thức trong việc thiết lập và vận hành hiệu quả các thiết chế theo cam kết liên quan TBT và SPS trong EVFTA. Ví dụ, chương SPS có yêu cầu thành lập Ủy ban về các biện pháp SPS. Việc hình thành các thiết chế này đòi hỏi những thay đổi, bổ sung về bộ máy, cơ chế vận hành, năng lực của cán bộ phụ trách...

*Bốn là*, thách thức trong hoạt động xây dựng và vận hành hiệu quả cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp giữa doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản và cơ quan quản lý nhà nước.

*Năm là*, các chi phí đánh giá tuân thủ và chứng nhận cho hàng thủy sản xuất khẩu có thể gia tăng khi hàng thủy sản xuất khẩu phải đáp ứng các biện pháp kỹ thuật và các biện pháp liên quan đến an toàn thực phẩm đang áp dụng ngày càng nhiều tại các thị trường xuất khẩu của Việt Nam, trong đó có EU.

*Sáu là*, hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sẽ phải cạnh tranh gay gắt và khốc liệt hơn với hàng thủy sản tại chỗ của các nước mới gia nhập EU và các hàng thủy sản của các công ty xuất khẩu thủy sản mạnh, có nhiều kinh nghiệm ngoài EU trong việc xuất khẩu, tìm chỗ đứng và duy trì thị phần tại EU.

### **Điểm mạnh**

*Thứ nhất*, Việt Nam có vị trí địa lý chiến lược, điều kiện thiên nhiên thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản. Với đường bờ biển dài hơn 3.260km, Việt Nam có thuận lợi trong việc nuôi trồng, khai thác thủy sản cũng như giao thương quốc tế. Theo báo cáo của VASEP, Việt Nam có khoảng 11.000 loài sinh vật biển được phát hiện - chính nguồn nguyên liệu lớn và ổn định góp phần làm đa dạng cơ cấu mặt hàng thủy sản của Việt Nam đáp ứng sở thích, thị hiếu, nhu cầu khác nhau của các quốc gia trong khu vực EU.

*Thứ hai*, ngành thủy sản được xem là ngành nghề truyền thống và có lịch sử phát triển lâu đời.

Sản phẩm thủy sản của Việt Nam đã xuất khẩu đi hơn 147 quốc gia trên thế giới, tính riêng thị trường EU thì Việt Nam đã xuất khẩu đến 27 quốc gia. Nhờ vào các lợi thế về điều kiện thiên nhiên thuận lợi, Việt Nam là một trong các quốc gia xuất khẩu lớn nhất thế giới, điều này góp phần tạo nên uy tín và vị thế trong hoạt động xuất khẩu thủy sản thế giới.

*Thứ ba*, nguồn nhân lực trong ngành thủy sản dồi dào, chăm chỉ và cần mẫn. Hàng năm số lượng người lao động tham gia ngành thủy sản từ các khâu nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và khai thác là tương đối cao so với ngành nghề khác trong cùng lĩnh vực nông, lâm, thủy sản. Theo báo cáo của VASEP, tổng số lao động làm trong lĩnh vực thủy sản là hơn 4 triệu người, đóng góp 9-10% tổng kim ngạch xuất khẩu của quốc gia.

*Thứ tư*, thủy sản Việt Nam có sự liên kết giữa các doanh nghiệp và vùng trồng. Trong những năm qua, ở Việt Nam đã hình thành mối quan hệ liên kết giữa các doanh nghiệp và vùng nuôi trồng để thực hiện mô hình quản lý giám sát đồng bộ, chặt chẽ theo các yêu cầu kỹ thuật từ nuôi trồng, đến thu hoạch và vận chuyển, bảo quản. Với sự liên kết khép kín này đã góp phần giúp thị trường xuất khẩu thủy sản đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng và nâng cao khả năng cạnh tranh.

### **Điểm yếu**

*Thứ nhất*, tỷ lệ vùng nuôi trồng đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật còn thấp. Tại các địa phương ven biển, điều kiện hạ tầng nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợi phần lớn chỉ đáp ứng cho hình thức nuôi tôm quảng canh, do hệ thống cấp thoát nước chung nhau, hệ thống giao thông không thuận lợi, không có điện cho vùng nuôi... nên gặp khó khăn khi phát triển nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao.

*Thứ hai*, con giống, thức ăn phải nhập khẩu nhiều. Hiệp định EVFTA yêu cầu sản phẩm thủy sản phải có xuất xứ thuần túy từ Việt Nam hoặc sử dụng nguyên liệu có xuất xứ thuần túy được nhập khẩu từ EU. Điều này có nghĩa là nguyên liệu thủy sản dùng cho thủy sản sơ chế hoặc chế biến phải được nuôi dưỡng, thu hoạch hoặc đánh bắt tại Việt Nam hoặc nhập khẩu có xuất xứ từ EU. Trong khi đó, nguồn nguyên liệu cho thủy

sản chế biến hiện nay của Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, đặc biệt là tôm và EU không phải là thị trường nhập khẩu nguyên liệu thủy sản phục vụ cho sản xuất xuất khẩu trong nước.

*Thứ ba*, kỹ thuật nuôi trồng, đánh bắt thủy sản còn hạn chế, dẫn đến nguy cơ hàng bị trả về do không đáp ứng được yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm. Theo UNIDO, tổn thất trung bình hàng năm do các vụ từ chối nhập khẩu hàng thủy sản Việt Nam lên tới 14 triệu USD (Nguyễn Tuyết, 2020). Lý do chính là trong quá trình nuôi trồng đánh bắt thủy sản không đảm bảo yêu cầu về dư lượng thuốc thú y, điều kiện vệ sinh nhân mác, các chất ô nhiễm công nghiệp và di vật...

*Thứ tư*, tính liên kết giữa nhà khoa học, nhà nước, doanh nghiệp, nông dân còn hạn chế. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, cung ứng giống, thuốc, thức ăn, chế phẩm sinh học và các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản hầu hết chỉ phát triển theo lĩnh vực của mình, chưa có sự phối hợp, liên kết với nhau.

*Thứ năm*, chưa đáp ứng được đầy đủ quy định IUU của Ủy ban Châu Âu (EC). Tổng vụ các vấn đề về Biển và Thủy sản của Ủy ban Châu Âu (DG-MARE) ghi nhận những nỗ lực của Việt Nam trong việc thực hiện các quy định IUU kể từ khi bị EU áp thẻ vàng, song cơ quan này vẫn khẳng định Việt Nam còn nhiều tồn tại, hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu cho nhiệm vụ chống khai thác IUU.

## **5. Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA**

Theo Nguyễn Tiến Hoàng (2020), khi EVFTA có hiệu lực sẽ làm tăng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, chủ yếu do hàng hóa Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế quan và trở nên cạnh tranh hơn hàng hóa từ nội địa EU. Thực tế, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU từ sau tháng 8/2020 tăng mạnh với mức 19-30% so với cùng kỳ năm 2019 (VASEP, 2020), kim ngạch xuất khẩu năm 2021 tiếp tục tăng 12% so với năm 2020 (VASEP, 2021). VASEP cũng dự báo xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU đến



năm 2024 có thể đạt 1,5 tỷ USD nếu Việt Nam khắc phục được vấn đề thẻ vàng IUU và tận dụng được các lộ trình giảm thuế theo EVFTA (VASEP, 2019). Từ những cơ hội, thách thức,

điểm mạnh và điểm yếu nêu trên, bài viết nhận thấy cần rút ra một số giải pháp có tính chiến lược để thúc đẩy xuất khẩu thủy sản trong thời gian tới:

Bảng 1: Cơ hội, thách thức, điểm mạnh, điểm yếu và các chiến lược

	<b>Điểm mạnh (Strengths)</b>	<b>Điểm yếu (Weaknesses)</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí địa lý chiến lược, điều kiện thiên nhiên thuận lợi.</li> <li>- Ngành nghề truyền thống và có lịch sử phát triển lâu đời.</li> <li>- Nguồn nhân lực trong ngành thủy sản dồi dào, chăm chỉ và cần mẫn.</li> <li>- Có sự liên kết giữa các doanh nghiệp và vùng trồng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ vùng nuôi trồng đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật còn thấp.</li> <li>- Con giống, thức ăn phải nhập khẩu nhiều.</li> <li>- Kỹ thuật nuôi trồng, đánh bắt thủy sản còn hạn chế.</li> <li>- Tính liên kết giữa nhà khoa học, nhà nước, doanh nghiệp, nông dân còn những hạn chế.</li> <li>- Chưa đáp ứng được đầy đủ quy định IUU.</li> </ul>
<b>Cơ hội (Opportunities)</b>	<b>Chiến lược tăng cường điểm mạnh, tận dụng cơ hội</b>	<b>Chiến lược khắc phục điểm yếu, tận dụng cơ hội</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy mạnh xuất khẩu nhờ cam kết giảm thuế.</li> <li>- Nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế.</li> <li>- Có vị thế tại thị trường lớn.</li> <li>- Bày tỏ ý kiến quan ngại thương mại về TBT và SPS.</li> <li>- Tiết kiệm được chi phí, thời gian kiểm tra theo các quy định TBT và SPS nhờ cơ chế thừa nhận lẫn nhau.</li> <li>- Hưởng lợi từ sự quan tâm của chính sách nhà nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động về nguồn nguyên liệu để tận dụng được quy tắc xuất xứ và hưởng ưu đãi về thuế quan.</li> <li>- Tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền lợi cho ngư dân và người lao động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.</li> <li>- Đảm bảo hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản mang tính bền vững, phù hợp quy định luật pháp trong nước và quốc tế.</li> <li>- Phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp, nông dân trong quá trình nuôi trồng, sản xuất.</li> <li>- Quyết tâm hơn nữa trong việc thực hiện các biện pháp nhằm đáp ứng các quy định IUU của EU.</li> </ul>
<b>Thách thức (Threats)</b>	<b>Chiến lược tăng cường điểm mạnh, vượt qua thách thức</b>	<b>Chiến lược khắc phục điểm yếu, vượt qua thách thức</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quy định TBT, SPS đối với thủy sản ngày càng khắt khe,</li> <li>- Cam kết rất sâu rộng và mới mẻ về TBT, SPS</li> <li>- Vận hành hiệu quả các thiết chế theo cam kết liên quan TBT và SPS</li> <li>- Cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp giữa doanh nghiệp xuất khẩu và cơ quan quản lý nhà nước,</li> <li>- Chi phí đánh giá tuân thủ và chứng nhận cho hàng thủy sản xuất khẩu có thể gia tăng</li> <li>- Cạnh tranh gay gắt và khốc liệt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường chức năng hỗ trợ của cơ quan quản lý trong việc cung cấp thông tin; tăng cường quản lý, giám sát của cơ quan chức năng để tạo ra sản phẩm đáp ứng quy định của thị trường EU.</li> <li>- Thường xuyên chủ động nghiên cứu thị trường, chủ động ứng phó với các quy định của thị trường EU, tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm thủy sản Việt Nam tại thị trường EU.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong quá trình nuôi trồng, chế biến, bảo quản, vận chuyển để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng quy định khắt khe của thị trường EU.</li> <li>- Đẩy mạnh hoạt động chế biến thủy sản, đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường liên kết hợp tác với các đối tác ở trong và ngoài nước, hình thành chuỗi cung ứng xuất khẩu thủy sản, vận dụng mô hình kinh tế tuần hoàn để tạo ra nguồn hàng thủy sản xuất khẩu tối ưu giá thành, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh dịch tễ.</li> </ul>

Nguồn: Phân tích của nhóm tác giả.

*Thứ nhất*, tiếp tục thực hiện quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản và triển khai các chương trình hành động cụ thể đảm bảo hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản mang tính bền vững, phù hợp quy định luật pháp trong nước và quốc tế.

*Thứ hai*, đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong quá trình nuôi trồng, chế biến, bảo quản, vận chuyển để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng quy định khắt khe của thị trường EU. Đặc biệt, về lâu dài, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh hoạt động chế biến thủy sản, đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường liên kết hợp tác với các đối tác ở trong và ngoài nước, hình thành chuỗi cung ứng xuất khẩu thủy sản, vận dụng mô hình kinh tế tuần hoàn để tạo ra nguồn hàng thủy sản xuất khẩu tối ưu giá thành, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh dịch tễ.

*Thứ ba*, cần chủ động về nguồn nguyên liệu hoặc nhập khẩu từ các thị trường mà Việt Nam có thể tận dụng được quy tắc xuất xứ và hưởng ưu đãi về thuế quan khi xuất khẩu sang EU để tạo ra sản phẩm xuất khẩu có giá trị cao.

*Thứ tư*, thực hiện tốt quy định về truy xuất nguồn gốc xuất xứ cho thủy sản. Chính phủ, cơ quan quản lý, các ngư dân cũng phải quyết tâm hơn nữa trong việc thực hiện các biện pháp nhằm đáp ứng các quy định IUU của EU. Các doanh nghiệp cần đầu tư các ứng dụng phần mềm thông minh như I-tracing, công nghệ đám mây và blockchain để quản trị sản xuất, số hóa các dữ liệu trong nuôi trồng thủy sản. Các chủ tàu đánh bắt cá cần đầu tư kinh phí vào lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, sử dụng ứng dụng công nghệ ghi nhật ký khai thác và truy xuất nguồn gốc thủy sản điện tử (eCDT) do Tổng cục Thủy sản đề ra, từ đó giúp cơ quan chức năng nhanh chóng truy xuất nguồn gốc thủy sản đánh bắt dựa trên các dữ liệu điện tử.

*Thứ năm*, thường xuyên chủ động nghiên cứu thị trường, chủ động ứng phó với các quy định của thị trường EU, tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm thủy sản Việt Nam tại thị trường EU để thúc đẩy xuất khẩu.

*Thứ sáu*, Nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu cần có chính sách, chế độ bảo vệ quyền lợi cho ngư dân và người lao động để đảm bảo yên tâm gắn bó lâu dài với công việc.

Như vậy, mặc dù là một quốc gia có nhiều điểm mạnh và nhiều cơ hội cho hoạt động xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU, đặc biệt từ khi EVFTA có hiệu lực, song Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Vì vậy, nghiên cứu về thực trạng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU, nhận diện các điểm mạnh, điểm yếu của Việt Nam cũng như các cơ hội và thách thức từ việc thực thi EVFTA đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản để có cơ sở đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu vào thị trường, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ EVFTA mang lại là điều quan trọng và cần thiết.

## Tài liệu tham khảo

- Hoang, N.T & Tan, P.V.P (2020). Impact of the EVFTA Agreement on Vietnam's Seafood Exports to the EU Market. *International Economic and Management Journal*, 125.
- Hong, B. (2021). Overcoming the IUU Yellow Card, What Does the EC Evaluate After 4 Years. <<https://vasep.com.vn/chong-khai-thac-iuu/tin-tuc-iuu/khac-phuc-the-vang-iuu-ec-danh-gia-gi-sau-4-nam-23324.html>> Accessed 1.8. 2022.
- General Department of Customs (2022). <<https://tongcuc.customs.gov.vn/index.jsp?pagelD=2&aid=158631&cid=25>> Accessed 1.8. 2022.
- Toan, V.T. & Tuan, N.A. (2021). Some Solutions to Boost Vietnam's Seafood Exports to the EU Market in the Context of the New Normal. *Industry and Trade Journal*. <<https://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/mot-so-giai-phap-nham-day-manh-xuat-khau-thuy-san-cua-viet-nam-sang-thi-truong-lien-minh-chau-au-trong-boi-can-binh-thuong-moi-86099.htm>> Accessed 1.8.2022.
- Tuyet, Ng. (2020). Actively Limit Losses in Seafood Exports. <<https://thuysanvietnam.com.vn/chu-dong-han-che-thiet-hai-trong-xuat-khau-thuy-san/>> Accessed 1.8.2022.
- VASEP (2019). Report on Vietnam's Seafood Exports to the EU Market in the Period 2015-2019.

VASEP (2020). Vietnam's Seafood Export Report in 2020.

VASEP (2021). Vietnam's Seafood Export Report in 2021.

World Bank (2021). Economic Impact Assessment from Commercial Analysis of Non-compliance with Illegal, Unreported and Unregulated (IUU) Fishing:

The Case of Vietnam.

<<https://documents1.worldbank.org/curated/en/738371628512941190/pdf/A-Trade-Based-Analysis-of-the-Economic-Impact-of-Non-Compliance-with-Illegal-Unreported-and-Unregulated-Fishing-Regulations-The-Case-of-Vietnam.pdf> > Accessed 1.8.2022.